

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
116	DH51802337	Lê Trần Trung	Hậu	D18_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
117	DH51800144	Hoàng Trung	Hiếu	D18_TH07	3	-	-	-	-	3	-	-	12
118	DH51802290	Nguyễn Kim	Hiếu	D18_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
119	DH51803312	Trần Minh	Hiếu	D18_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
120	DH51803164	Nguyễn Quang	Huy	D18_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
121	DH51800224	Trần Đường	Huy	D18_TH07	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
122	DH51802975	Thái Trương Đăng	Khoa	D18_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
123	DH51802511	Trần Xuân	Nhơn	D18_TH07	5	-	-	-	-	5	-	-	10
124	DH51802893	Huỳnh Tấn	Phú	D18_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
125	DH51802294	Phạm Phú	Tài	D18_TH07	9	-	-	-	-	9	-	-	6
126	DH51800085	Nguyễn Tăng	Thảo	D18_TH07	32	30	-	-	-	2	-	-	0
127	DH51801881	Nguyễn Lê Trường	Thiện	D18_TH07	2	-	-	-	-	2	-	-	13
128	DH51802933	Trần Ngọc	Trung	D18_TH07	4	-	-	-	-	4	-	-	11
129	DH51800223	Nguyễn Thiên	Vinh	D18_TH07	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
130	DH51802697	Phan Nguyễn Hoài	An	D18_TH08	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
131	DH51803029	Hồng Quốc	Bình	D18_TH08	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
132	DH51803166	Võ Chí	Cường	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
133	DH51803236	Võ Minh	Khang	D18_TH08	1	-	-	-	-	1	-	-	14
134	DH51801934	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	D18_TH08	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
135	DH51803355	Phan Anh	Minh	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
136	DH51803576	Nguyễn Đức	Nhân	D18_TH08	5	-	-	-	-	5	-	-	10
137	DH51800156	Nguyễn Lưu Đức	Tài	D18_TH08	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
138	DH51802954	Nguyễn Việt	Thành	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
139	DH51803221	Nguyễn Quốc	Thắng	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
140	DH51803052	Chung Xuân	Thịnh	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
141	DH51803057	Trần Anh	Tuấn	D18_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
142	DH51803327	Vũ Công Tuấn	Anh	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
143	DH51802913	Trương Nguyễn Minh	Ân	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
144	DH51803255	Hồ Hữu	Chí	D18_TH09	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
145	DH51803079	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
146	DH51806426	Hoàng Ngọc	Hà	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
147	DH51802987	Lâm Hồng	Hải	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
148	DH51800686	Nguyễn Anh	Hoàng	D18_TH09	12	12	-	-	-	-	-	-	3
149	DH51803625	Trần Chí	Lâm	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
150	DH51803178	Trần Quang	Long	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
151	DH51803598	Lê Văn Hùng	Minh	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
152	DH51803156	Nguyễn Công Hải	Nam	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
153	DH51803612	Vũ Tuấn	Nghĩa	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
154	DH51803070	Nguyễn Đỗ Minh	Nhát	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
155	DH51803559	Lê Nguyễn Tất	Thắng	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
156	DH51803550	Lê Phước	Thịnh	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
157	DH51803058	Phan Thành	Trí	D18_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
158	DH51803440	Lê Duy	Tuyên	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
159	DH51803477	Đỗ Như	Việt	D18_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
160	DH51804303	Phạm Quốc	Ân	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
161	DH51804376	Lê Trí	Cường	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
162	DH51802700	Ngô Thanh	Danh	D18_TH10	1	-	-	-	-	1	-	-	14
163	DH51804398	Vòng Say	Dậu	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
164	DH51804123	Võ Khánh	Duy	D18_TH10	2	-	-	-	-	2	-	-	13
165	DH51803935	Huỳnh Quốc	Dương	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
166	DH51804460	Nguyễn Lam	Đan	D18_TH10	1	-	1	-	-	-	-	-	14
167	DH51804576	Lưu Vĩnh	Hân	D18_TH10	1	-	-	-	-	1	-	-	14
168	DH51804614	Lê Văn	Hiệp	D18_TH10	3	-	1	-	-	2	-	-	12
169	DH51803665	Đặng Văn	Hiếu	D18_TH10	1	-	1	-	-	-	-	-	14
170	DH51804825	Hà Trí	Khang	D18_TH10	2	-	-	-	-	2	-	-	13
171	DH51803494	Nguyễn Ngọc	Khoa	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
172	DH51804901	Hoàng Trung	Kiên	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
173	DH51804948	Nguyễn Tấn	Lộc	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
174	DH51805223	Trần Thiện Thành	Nhân	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
175	DH51805286	Phạm Thị Huỳnh	Như	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
176	DH51805358	Đào Thiên	Phúc	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
177	DH51805426	Trần Minh	Quang	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
178	DH51805444	Đình Kiên	Quốc	D18_TH10	1.5	-	1	-	-	0.5	-	-	13.5
179	DH51805491	Nguyễn Thanh	Sương	D18_TH10	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
180	DH51805679	Phạm Thanh	Thuận	D18_TH10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
181	DH51805688	Trần Thị Ngọc	Thùy	D18_TH10	41.5	30	1	-	-	10.5	-	-	0
182	DH51804141	Nguyễn Trọng	Trí	D18_TH10	1	-	-	-	-	1	-	-	14
183	DH51805899	Bùi Lê Hoàng Nhật	Trường	D18_TH10	1	-	-	-	-	1	-	-	14
184	DH51803126	Nguyễn Phương Hoài	Việt	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
185	DH51806037	Ngô Gia	Vinh	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
186	DH51803800	Nguyễn Anh	Võ	D18_TH10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
187	DH51806068	Trần Tuấn	Vũ	D18_TH10	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
188	DH51806073	Phạm Đình	Vương	D18_TH10	4	-	-	-	1	3	-	-	11
189	DH51804249	Tổng Khánh Nhật	An	D18_TH11	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0
190	DH51804310	Võ Ngọc	Bội	D18_TH11	18	-	-	-	-	18	-	-	0
191	DH51804418	Lạc Hồng	Duy	D18_TH11	10	-	-	-	-	10	-	-	5
192	DH51804528	Nguyễn Thành	Đạt	D18_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
193	DH51804107	Cao Chiến	Hào	D18_TH11	30.5	-	-	-	-	15.5	15	-	0
194	DH51802325	Lê Thị Thúy	Hoài	D18_TH11	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
195	DH51804772	Trần Nguyễn Quốc	Huy	D18_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
196	DH51804835	Nguyễn Tuấn	Khang	D18_TH11	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0
197	DH51804851	Nguyễn Quốc	Khánh	D18_TH11	6	-	-	-	-	6	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
198	DH51805028	Nguyễn Nhị	Long	D18_TH11	10	-	-	-	-	10	-	-	5
199	DH51804942	Đặng Phước	Lộc	D18_TH11	23	-	-	-	-	23	-	-	0
200	DH51805206	Huỳnh Công	Nhã	D18_TH11	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
201	DH51805388	Bùi Hoàng	Phương	D18_TH11	3	-	-	-	-	3	-	-	12
202	DH51805497	Mai Trương	Tài	D18_TH11	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
203	DH51805517	Ao Nhật	Tân	D18_TH11	17.5	-	-	-	-	17.5	-	-	0
204	DH51805624	Nguyễn Tấn	Thịnh	D18_TH11	2	-	-	-	-	2	-	-	13
205	DH51805702	Lý Hoàng	Thư	D18_TH11	7	-	-	-	-	7	-	-	8
206	DH51805930	Lê Minh	Tú	D18_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
207	DH51806039	Nguyễn Hữu Lê	Vinh	D18_TH11	25.5	-	-	-	-	25.5	-	-	0
208	DH51804283	Phạm Nhật	Anh	D18_TH12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
209	DH51804331	Nguyễn Duy	Bảo	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
210	DH51804430	Trần Khánh	Duy	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
211	DH51804453	Phạm Đăng Hải	Dương	D18_TH12	4.5	-	-	-	1	3.5	-	-	10.5
212	DH51804500	Trần Tuấn	Đại	D18_TH12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
213	DH51804536	Tôn Quốc	Đạt	D18_TH12	5	-	-	-	-	5	-	-	10
214	DH51804616	Trần Hoàng	Hiệp	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
215	DH51804755	Lê Thanh	Huy	D18_TH12	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
216	DH51804821	Cao Vũ	Khang	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
217	DH51804894	Phan Thị Tú	Khuyên	D18_TH12	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
218	DH51805129	Phạm Dương Hoài	Nam	D18_TH12	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
219	DH51805204	Trần Thị	Nguyệt	D18_TH12	2.5	-	-	-	1	1.5	-	-	12.5
220	DH51805207	Trần Đại	Nhã	D18_TH12	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5
221	DH51805350	Nguyễn Phong	Phú	D18_TH12	35	30	-	-	-	5	-	-	0
222	DH51805372	Trần Bảo	Phúc	D18_TH12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
223	DH51805435	Nguyễn Thanh	Quân	D18_TH12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
224	DH51805479	Tạ Đăng	Sáng	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
225	DH51805528	Đặng Hồng Bảo	Thái	D18_TH12	3	-	-	-	-	3	-	-	12
226	DH51805750	Nguyễn Hoàng	Tiến	D18_TH12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
227	DH51805753	Nhâm Trung	Tiến	D18_TH12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
228	DH51805788	Trương Ngọc	Toàn	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
229	DH51805934	Nguyễn Minh	Tú	D18_TH12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
230	DH51800518	Nguyễn Võ Duy Tú	Vinh	D18_TH12	1	-	-	-	1	-	-	-	14
231	DH51806091	Nguyễn Hải	Vy	D18_TH12	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
232	DH51802129	Dương Minh	Danh	D18_TH13	13	-	-	-	-	13	-	-	2
233	DH51804542	Trần Hí	Đường	D18_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	15
234	DH51801362	Phạm Phúc	Hậu	D18_TH13	11	10.5	-	-	-	0.5	-	-	4
235	DH51800027	Lê Đình	Huy	D18_TH13	0	-	-	-	-	-	-	-	15
236	DH51802058	Võ Đức An	Khang	D18_TH13	1	-	-	-	-	1	-	-	14
237	DH51800766	Phạm Tiến	Long	D18_TH13	35.5	11	-	-	-	24.5	-	-	0
238	DH51801584	Võ Phương	Nam	D18_TH13	3	-	-	-	-	3	-	-	12

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
239	DH51805316	Nguyễn Tấn	Phát	D18_TH13	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
240	DH51802512	Lê Anh	Phi	D18_TH13	23.5	15	-	-	3	5.5	-	-	0
241	DH51800736	Đặng Kiên	Phong	D18_TH13	6.5	-	-	-	1	5.5	-	-	8.5
242	DH51801039	Võ Văn	Thiện	D18_TH13	8	-	6	-	-	2	-	-	7
243	DH51801182	Trần Quốc	Trọng	D18_TH13	64.5	52.5	2	-	-	10	-	-	0
244	DH51800143	Nguyễn Thị Khánh	Vy	D18_TH13	1.5	-	1	-	-	0.5	-	-	13.5
245	DH51806100	Trần Khánh	Vy	D18_TH13	2.5	-	1	-	-	1.5	-	-	12.5
246	DH51804380	Ngô Anh	Cương	D18_TH14	17.5	15	-	-	-	2.5	-	-	0
247	DH51804511	Huỳnh Trung	Đông	D18_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	15
248	DH51804598	Trần Phước	Hải	D18_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	15
249	DH51804681	Huỳnh Vũ	Hòa	D18_TH14	1	-	-	-	-	1	-	-	14
250	DH51801405	Tăng Quang	Huy	D18_TH14	3	-	-	-	1	2	-	-	12
251	DH51805131	Tân Bình	Nam	D18_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	15
252	DH51800548	Lê Thị Kim	Ngân	D18_TH14	6	-	-	-	-	6	-	-	9
253	DH51805597	Lai Đặng Hồng	Thiện	D18_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	15
254	DH51805715	Ngô Thùy	Thương	D18_TH14	0	-	-	-	-	-	-	-	15
255	DH51803372	Lê Thanh	Toàn	D18_TH14	5	-	-	-	-	5	-	-	10
256	DH51803757	Hoàng Thanh	Tuấn	D18_TH14	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
257	DH51803441	Trần Thanh	Tùng	D18_TH14	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
258	DH51806065	Phan Mai Thiên	Vũ	D18_TH14	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
259	DH51901362	Hà Đức	Duy	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
260	DH51901753	Đỗ Bảo	Đại	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
261	DH51900846	Nguyễn Tiến	Đạt	D19_TH01	4	-	-	-	-	4	-	-	11
262	DH51900652	Võ Huỳnh	Đức	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
263	DH51900226	Phan Chí	Hạo	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
264	DH51900666	Nguyễn Minh	Hiếu	D19_TH01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
265	DH51900218	Nguyễn Trọng	Hiếu	D19_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
266	DH51903616	Đoàn Minh	Hoàng	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
267	DH51900551	Trần Nhật	Hoàng	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
268	DH51900268	Lê Ngọc	Huy	D19_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
269	DH51802956	Nguyễn Hoàng	Huy	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
270	DH51901532	Nguyễn Nhật	Huy	D19_TH01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
271	DH51801464	Trần Quang	Huy	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
272	DH51902966	Nguyễn Tuấn	Khôi	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
273	DH51902912	Dương Võ Thuận	Lợi	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
274	DH51904075	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D19_TH01	10	9	-	-	-	1	-	-	5
275	DH51900713	Dương Ngọc	Nguyên	D19_TH01	21.5	14.5	-	-	1	6	-	-	0
276	DH51900184	Nguyễn Thành	Nhân	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
277	DH51801337	Nguyễn Vũ Thành	Nhân	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
278	DH51900290	Huỳnh Tuấn	Phát	D19_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
279	DH51905519	Hà Trung	Phi	D19_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
608	DH51902564	Phạm Gia	Khang	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
609	DH52001933	Đỗ Quốc	Khánh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
610	DH52001784	Nguyễn Thiệu	Khiêm	D20_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
611	DH52002660	Nguyễn Đăng	Khoa	D20_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
612	DH52002144	Đặng Vinh	Kiên	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
613	DH52001645	Trần Tấn	Lộc	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
614	DH52001856	Phan Văn	Mãnh	D20_TH01	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
615	DH52001367	Lâm Chí	Minh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
616	DH51904007	Trần Quang	Minh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
617	DH52001141	Võ Lê Công	Minh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
618	DH52002302	Cao Hoàng	Nam	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
619	DH52001037	Lê Trung	Nam	D20_TH01	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
620	DH52001504	Đỗ Minh	Nhật	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
621	DH52000828	Nguyễn Văn	Quang	D20_TH01	28	-	-	-	-	28	-	-	0
622	DH52003145	Huỳnh Trần Anh	Quốc	D20_TH01	2	-	-	-	-	2	-	-	13
623	DH51900372	Hồ Bá	Quốc	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
624	DH52001349	Lê Hoàng	Quốc	D20_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
625	DH51904332	Nhan Lâm	Quy	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
626	DH52000937	Châu Tấn	Tài	D20_TH01	2	-	-	-	-	2	-	-	13
627	DH52003353	Lê Hoàng	Tâm	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
628	DH52002680	Ngô Duy	Tấn	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
629	DH51803498	Hà Quốc	Thanh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
630	DH51902672	Phạm Việt	Thắng	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
631	DH52000817	Nguyễn Anh	Thiện	D20_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
632	DH51803469	Nguyễn Quang	Thọ	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
633	DH52001927	Trần Ngọc	Thoại	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
634	DH51901389	Hà Xuân	Thủy	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
635	DH51900373	Phạm Trung	Tín	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
636	DH52001900	Nguyễn Minh	Triều	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
637	DH52000131	Lê Quốc	Trung	D20_TH01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
638	DH52001904	Nguyễn Hữu	Trường	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
639	DH52001991	Nguyễn Anh	Tú	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
640	DH52002799	Ngô Huy	Tuấn	D20_TH01	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5
641	DH52001957	Phan Hồ	Việt	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
642	DH52000774	Lê Quang	Vinh	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
643	DH52002896	Nguyễn Hoàng	Vũ	D20_TH01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
644	DH52001133	Trương Công	Vui	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
645	DH52002785	Nguyễn Thị Hồng	Yên	D20_TH01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
646	DH52001026	Phạm Chí	Công	D20_TH02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
647	DH52003554	Nguyễn Hoàng Vũ	Đan	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
648	DH52000573	Bảo Lê Quốc	Đạt	D20_TH02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
731	DH52002730	Cao Lương Quốc	Tấn	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	15
732	DH52001455	Trần Thanh	Tấn	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
733	DH52001226	Nguyễn Ngô Thanh	Thảo	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
734	DH52002581	Võ Quốc	Thắng	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	15
735	DH52003194	Ngô Hoài	Thịnh	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
736	DH52000660	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D20_TH03	2	-	-	-	-	2	-	13
737	DH52003431	Nguyễn Thanh	Thoại	D20_TH03	2.5	-	-	-	-	2.5	-	12.5
738	DH52002629	Nguyễn Quốc	Thông	D20_TH03	0	-	-	-	-	-	-	15
739	DH52000293	Hồ Văn	Tiền	D20_TH03	1	-	-	-	-	1	-	14
740	DH52002582	Phạm Nguyễn Thành	Trong	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
741	DH52000682	Lê	Tuấn	D20_TH03	1	-	-	-	-	1	-	14
742	DH52003563	Phan Văn	Việt	D20_TH03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
743	DH52002598	Nguyễn Nhật	Anh	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
744	DH52001966	Nguyễn Chí	Bảo	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
745	DH52004093	Hoàng Ngô Gia	Bảo	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
746	DH52003253	Lê Tuấn	Cường	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
747	DH52001476	Vương Đức	Cường	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
748	DH52002606	Nguyễn Khuất Anh	Duy	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
749	DH52001595	Lê Nhật	Hào	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
750	DH52003285	Phùng Phở	Hiền	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
751	DH52003485	Nguyễn Anh	Hòa	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
752	DH52003001	Quách Nhật	Hòa	D20_TH04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
753	DH52001833	Nguyễn Phúc	Hoàng	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
754	DH52002712	Bùi Vương	Huy	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
755	DH52002723	Phạm Ngọc	Khoa	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
756	DH52001408	Nguyễn Quang	Luật	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
757	DH52002058	Lê Thành	Nam	D20_TH04	2	-	-	-	-	2	-	13
758	DH52001564	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
759	DH52003583	Bùi Thành	Nhân	D20_TH04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
760	DH52003399	Nguyễn Trí	Nhân	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
761	DH52001672	Đỗ Minh	Nhật	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
762	DH52003409	Trần Minh	Nhật	D20_TH04	1.5	-	-	-	-	1.5	-	13.5
763	DH52004162	Nguyễn Thái	Phú	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
764	DH52003935	Phạm Châu	Phú	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
765	DH52003995	Huỳnh Thanh	Phúc	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
766	DH52003159	Lạc Minh	Phuong	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
767	DH52002990	Nguyễn Xuân	Quốc	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
768	DH52003503	Đỗ Chí	Tài	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
769	DH52002325	Nguyễn Lê Đức	Tâm	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
770	DH52001474	Nguyễn Hữu	Thịnh	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15
771	DH52001281	Phạm Tôn	Thuận	D20_TH04	0	-	-	-	-	-	-	15

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
813	DH52005670	Lê Hoàng	Anh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
814	DH52003384	Trần Thế Quốc	Bảo	D20_TH06	1	-	-	-	-	1	-	-	14
815	DH52005747	Đào Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
816	DH52004120	Hỷ Văn	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
817	DH52004278	Lê Thành	Đạt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
818	DH52004553	Nguyễn An	Đình	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
819	DH52005776	Nguyễn Thanh	Hải	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
820	DH52004258	Võ Nhật	Hào	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
821	DH52007219	Tạ Lê Trung	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
822	DH52004098	Trần Minh	Hiếu	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
823	DH52004215	Võ Thanh	Hoàng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
824	DH52004471	Nguyễn Hoàng	Huân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
825	DH52004352	Thân Thị Minh	Huê	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
826	DH52004986	Diệp Bảo	Khánh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
827	DH52004277	Phạm Tuấn	Kiệt	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
828	DH52004347	Nguyễn Duy	Lâm	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
829	DH52004038	Đào Chiêu	Linh	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
830	DH52004280	Mai Ngọc Phương	Linh	D20_TH06	13	-	-	-	-	13	-	-	2
831	DH52004026	Trần Thành	Nghĩa	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
832	DH52004034	Trương Thiện	Nhân	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
833	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết	Như	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
834	DH52001512	Phạm Minh	Phú	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
835	DH52004125	Trần Hoàng	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
836	DH52004099	Trương Minh	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
837	DH52004126	Vũ Đức	Phúc	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
838	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
839	DH52001514	Phạm Minh	Quý	D20_TH06	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
840	DH52004334	Lê Văn	Thái	D20_TH06	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
841	DH52004272	Lưu Thị Thanh	Thảo	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
842	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
843	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
844	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
845	DH52007272	Bùi Văn	Tiến	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
846	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
847	DH52004106	Châu Gia	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
848	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
849	DH52007324	Phạm Tiến	Trương	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
850	DH52004042	Trần Trương Thái	Tuấn	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
851	DH52004325	Huỳnh Nhật	Viên	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
852	DH52004141	Nguyễn Hữu	Vinh	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
853	DH52004136	Lê Thái Anh	Vũ	D20_TH06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
854	DH52004312	Nguyễn Trần Lâm	Vũ	D20_TH06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
855	DH52004753	Hoàng Châu Tuấn	Anh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
856	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
857	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
858	DH52004750	Lê Tấn	Được	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
859	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	1	-	-	-	-	1	-	-	14
860	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
861	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
862	DH52004745	Nguyễn Văn	Hoan	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
863	DH52004778	Đặng Nguyễn Huy	Hoàng	D20_TH07	1	-	-	-	-	1	-	-	14
864	DH52004569	Nguyễn Tăng Tuấn	Hùng	D20_TH07	1	-	-	-	-	1	-	-	14
865	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
866	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
867	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
868	DH52004596	Võ Lê	Khang	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
869	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
870	DH52004196	Hoàng Nguyễn Anh	Khoa	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
871	DH52005912	Huỳnh Tấn Thiên	Khôi	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
872	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
873	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
874	DH52005933	Kim Hoàng	Long	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
875	DH52004089	Hồ Tấn	Lộc	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
876	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
877	DH52004657	Võ Duy	Minh	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
878	DH52004183	Võ Hoàng	Nam	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
879	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
880	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
881	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
882	DH52004608	Khẩu Nguyễn Thành	Nhân	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
883	DH52005992	Liễu Minh	Nhân	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
884	DH52004679	Phạm Minh	Nhật	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
885	DH52004639	Phan Hoàng	Phi	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
886	DH52004096	Huỳnh Quốc	Thái	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
887	DH52004763	Mai Vũ Ngọc	Thiên	D20_TH07	0	-	-	-	-	-	-	-	15
888	DH52004489	Nguyễn Hồng	Thiên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
889	DH52004047	Trần Nguyễn Hoàng	Thiên	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
890	DH52004658	Lê Minh	Thông	D20_TH07	1	-	-	-	-	1	-	-	14
891	DH52004523	Trần Trung	Tiến	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
892	DH52004547	Trần Công	Toại	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
893	DH52004456	Phạm Văn	Trường	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
894	DH52004086	Hoàng Cẩm	Tú	D20_TH07	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
936	DH52006075	Nguyễn Văn	Sinh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
937	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
938	DH52006090	Nguyễn Thành	Tài	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
939	DH52006102	Phan Thanh	Tân	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
940	DH52005059	Lê Trường	Thanh	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
941	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
942	DH52000110	Võ Văn	Tiến	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
943	DH52006230	Võ Thành	Trung	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
944	DH52005051	Đặng Trung	Trực	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
945	DH52006131	Hà Xuân	Tú	D20_TH08	0	-	-	-	-	-	-	-	15
946	DH52005166	Nguyễn Tuấn	Anh	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
947	DH52005677	Võ Chu Quốc	Anh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
948	DH52005684	Lê Khánh	Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
949	DH52005685	Liu Sỹ	Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
950	DH52005690	Trần Nguyễn Gia	Bảo	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
951	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
952	DH52005705	Lư Thừa	Chí	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
953	DH52005696	Dương Tăng	Cường	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
954	DH52005698	Lê Đình	Cường	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
955	DH52005068	Nguyễn Thanh	Danh	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
956	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
957	DH52005731	Trần Lê Minh	Duy	D20_TH09	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
958	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
959	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam	Dương	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
960	DH52005738	Hồ Khánh	Dương	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
961	DH52005745	Cao Tiến	Đạt	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
962	DH52005049	Đặng Ngọc	Giàu	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
963	DH52005778	Trần Đức	Hải	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
964	DH52005800	Phạm Thị Diệu	Hiền	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
965	DH52005804	Mai Chí	Hiệp	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
966	DH52004983	Nguyễn Minh	Hiếu	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
967	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
968	DH52005822	Huỳnh Kim	Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
969	DH52005824	Lê Văn	Hoàng	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
970	DH52005825	Mai Việt	Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
971	DH52005827	Nguyễn Văn	Hoàng	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
972	DH52006575	Lâm Tuấn	Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
973	DH52005904	Nguyễn Đăng	Khoa	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
974	DH52005923	Phạm Võ Hiếu	Lễ	D20_TH09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
975	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	D20_TH09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
976	DH52005955	Võ Việt	Mỹ	D20_TH09	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1059	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	D20_TH11	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
1060	DH52007047	Nguyễn Phước	Nguyên	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1061	DH52006904	Đặng Xuân	Sang	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1062	DH52007102	Trần Nguyễn Thanh	Sang	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1063	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Son	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1064	DH52006605	Phan Phúc	Tân	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1065	DH52007061	Nguyễn Minh	Tấn	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1066	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	5	-	-	-	-	5	-	-	10
1067	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1068	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1069	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1070	DH52007131	Nguyễn Ngọc	Thuyên	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1071	DH52007050	Huỳnh Quang	Tiến	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1072	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	14	-	-	-	-	14	-	-	1
1073	DH52006741	Lại Văn	Toàn	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1074	DH52006129	Võ Hữu	Toàn	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1075	DH52006618	Trần Minh	Trung	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1076	DH52006707	Lê Thanh	Tuấn	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1077	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	D20_TH11	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1078	DH52007424	Ôn Tăng Gia	Vĩ	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1079	DH52006249	Nguyễn Cao Quang	Vinh	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1080	DH52006610	Huỳnh Nhật	Vương	D20_TH11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1081	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhựt	ý	D20_TH11	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

Tổng số SV: **1081**

Đã hoàn thành: **45**

Chưa hoàn thành: **1036**

**Ghi chú: Nội dung thực hiện*

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người lập bảng

Phụ trách Phòng CTSV

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng

PGS, TS. CAO HÀO THI